

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 12 - 2024
V/v Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân

2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1003/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Võ Hoàng A**, sinh năm: 1982; Nơi ĐKNKTT: **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; Địa chỉ liên hệ: 26 **L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị H** - Luật sư của **Công ty L**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh T**; có mặt.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Võ Hoàng A** trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị Hồng P** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2007 tại **Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề

trong cuộc sống, sinh hoạt dẫn đến gây gổ, cãi vã nhau. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Từ năm 2019, chị P vào miền N làm ăn, sinh sống và từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hiện anh nhận thấy không còn tình cảm với chị P nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh Võ Hoàng A trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Võ An N, sinh ngày: 28/6/2008 và Võ Đại Anh K, sinh ngày: 30/11/2009. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh nên anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Hoàng A không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Võ Hoàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị H thống nhất với ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.*

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/12/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:*

Chị thừa nhận việc chị và anh Võ Hoàng A tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/12/2007 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã không còn chung sống với nhau. Hiện anh Võ Hoàng A yêu cầu ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị P thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung, các cháu có họ tên, ngày tháng năm sinh như anh Võ Hoàng A trình bày là đúng. Anh đồng ý với yêu cầu của anh Võ Hoàng A về việc đề nghị giao 02 người con chung cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P trình bày do chị đang đi làm ăn xa, không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án nên chị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị.

**Tại các Bản tự khai ngày 27/11/2024, cháu Võ An N và cháu Võ Đại Anh K trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với ba.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị P, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Về mâu thuẫn vợ chồng anh A1 và chị P đã thật sự trầm trọng, từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, hiện cả hai đã không còn tình

cảm với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh **A1** được ly hôn với chị **P**. Về con chung: Cả hai người con chung đều đang ở với anh **A1** trong những năm chị **P** đi làm ăn xa, hiện các cháu có nguyện vọng được ở với ba nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh **A1**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh **Võ Hoàng A** được ly hôn với chị **Nguyễn Thị Hồng P**. Về con chung: Giao cả 02 cháu **Võ An N** và **Võ Đại A1** Kiệt cho anh **Võ Hoàng A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh **Võ Hoàng A** kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn chị **Nguyễn Thị Hồng P**. Chị **P** có địa chỉ cư trú tại phường **P**, thành phố **H**, tỉnh **Thừa Thiên Huế**. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn chị **Nguyễn Thị Hồng P** vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Võ Hoàng A** và chị **Nguyễn Thị Hồng P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **P**, thành phố **H**, tỉnh **Thừa Thiên Huế** vào ngày 07/12/2007. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của anh **Võ Hoàng A**, thấy rằng: Anh **A** và chị **P** đều thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã không còn chung sống

với nhau. Như vậy, vợ chồng đã không có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị P cũng đồng ý ly hôn với anh A. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh Võ Hoàng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng P.

[2.3] Về con chung: Anh Võ Hoàng A và chị Nguyễn Thị Hồng P có 02 người con chung là Võ An N, sinh ngày: 28/6/2008 và Võ Đại Anh K, sinh ngày: 30/11/2009.

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của anh A, thấy rằng: Tại Bản tự khai, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với ba. Để đảm bảo ổn định tâm lý, tình cảm, phù hợp quyền lợi về mọi mặt của các cháu; cần giao cả hai cháu cho anh Võ Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Hoàng A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự,

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng A.

1. Về hôn nhân: Cho anh Võ Hoàng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng P. Quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao các cháu Võ An N, sinh ngày: 28/6/2008 và Võ Đại Anh K, sinh ngày: 30/11/2009 cho anh Võ Hoàng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự kháng ý cầu nín Hội đồng xét xử kháng xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh **Võ Hoàng A** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005036 ngày 13/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh **Võ Hoàng A** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi Cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Phú Hội, thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Như Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)